

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang  
bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2982/TTr-STNMT ngày 18 tháng 8 năm 2020 và văn bản số 4202/STNT-CCB ngày 13 tháng 11 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận với các nội dung chính như sau:

1. Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận gồm 09 khu vực sau đây:

STT	Ký hiệu khu vực	Địa giới hành chính		Chiều dài bờ biển tương ứng (m)
		Xã/ phường/ thị trấn	Huyện/ thành phố	
1	KV1	Vĩnh Hải	Ninh Hải	1.048
2	KV2	Vĩnh Hải		1.157
3	KV3	Vĩnh Hải,		5.753

*[Chữ ký]*

		Thanh Hải		
4	KV4	Khánh Hải		911
5	KV5	Đông Hải, An Hải	Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Phước	3.652
6	KV6	Phước Dinh	Thuận Nam	9.278
7	KV7	Phước Dinh		4.046
8	KV8	Phước Dinh		400
9	KV9	Cà Ná		1.301
<b>Tổng cộng</b>				<b>27. 546</b>

*(Nội dung chi tiết từng khu vực phải thiết lập hàng lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận tại Phụ lục kèm theo)*

2. Tổng chiều dài khu vực phải thiết lập hàng lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận là 27.546 m.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện việc xác định chiều rộng và ranh giới hàng lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận theo đúng quy định pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** 

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP (Dũng), KTTH;
- Lưu: Văn thư, Hào

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Long Biên**

**Phụ lục**

**DANH MỤC CÁC KHU VỰC PHẢI THIẾT LẬP HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN TỈNH NINH THUẬN**

*(Kèm theo Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

STT	Tên	Địa giới hành chính		Điểm giới hạn	Vị trí địa lý		Chiều dài bờ biển tương ứng (m)	Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, yêu cầu
		Xã/phường/thị trấn	huyện/thành phố		Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)			
1	KV1	Vĩnh Hải	Ninh Hải	D1	1.291.252,16	600.861,15	1.048	- Khu vực có tính đa dạng sinh học cao như: rạn san hô ven biển, thảm cỏ biển, phong phú về nguồn giống đặc sản biển (rong Sụn, tôm Hùm, nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, chân đầu, chân bụng, da gai, cá các loại, tôm Hùm giống và trứng mực ở rạn san hô). - Phía Bắc có hoạt động nuôi thủy sản ven bờ, không có dân cư sinh sống, bờ biển bị xói lở nhẹ.	- Bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ. - Đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển.
				D2	1.290.274,68	600.620,49			
2	KV2	Vĩnh Hải	Ninh Hải	D3	1.289.774,10	600.496,50	1.157	- Khu vực đa dạng và phong phú hệ sinh thái. Có phân bố san hô, thảm cỏ biển từ thôn Thái An đến Hòn Đeo, các bãi cá Giò, Dĩa. - Mật độ dân cư thấp ở khu vực gần thôn Thái An, khu vực còn lại chưa có dân cư sinh sống, bờ biển bị xói lở nhẹ.	- Bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ. - Đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển.
				D4	1.288.636,93	600.438,07			



STT	Tên	Địa giới hành chính		Điểm giới hạn	Vị trí địa lý		Chiều dài bờ biển tương ứng (m)	Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, yêu cầu
		Xã/ phường/ thị trấn	huyện/ thành phố		Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)			
3	KV3	Vĩnh Hải, Thanh Hải	Ninh Hải	D5	1.285.394,55	599.665,69	5.753	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực có thảm cỏ biển lớn nhất Ninh Thuận (230 ha), các bãi cá Giò, Dĩa, Trai, ốc; cá Chuồn ở khu vực Mũi Thị.</li> <li>- Dân cư tập trung chủ yếu ở thôn Mỹ Hòa, ven bờ có hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi tôm. Bờ biển bị xói lở nhẹ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ.</li> <li>- Đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển.</li> </ul>
				D6	1.281.545,42	596.806,38			
4	KV4	Khánh Hải	Ninh Hải	D7	1.281.687,94	586.851,74	911	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ dân cư cao. Có bãi tắm Ninh Chữ.</li> <li>- Khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thiểu sạt lở bờ biển, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.</li> <li>- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên.</li> <li>- Đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển.</li> </ul>
				D8	1.281.695,98	585.946,73			
5	KV5	Đồng Hải, An Hải	Phan Rang- Tháp Chàm, Ninh Phước	D 9	1.275.249,89	583.697,85	3.652	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực tập trung các trại giống thủy sản và hoạt động nuôi trồng thủy sản.</li> <li>- Mật độ dân cư thấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển.</li> </ul>
				D10	1.271.809,14	582.858,59			

STT	Tên	Địa giới hành chính		Điểm giới hạn	Vị trí địa lý		Chiều dài bờ biển tương ứng (m)	Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, yêu cầu
		Xã/ phường/ thị trấn	huyện/ thành phố		Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)			
6	KV6	Phước Dinh	Thuận Nam	D10	1.271.809,14	582.858,59	9.278	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực bãi triều cận từ Từ Thiện đến Sơn Hải có cỏ biển.</li> <li>- Khu vực có hoạt động nuôi thủy sản. Mật độ dân cư cao ở Từ Thiện, Vĩnh Trường.</li> <li>- Khu vực nằm trong vùng chịu ảnh hưởng cao của biển đổi khí hậu và nước biển dâng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ.</li> <li>- Giảm thiểu sạt lở bờ biển, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.</li> <li>- Đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển.</li> </ul>
				D11	1.262.889,04	583.007,09			
7	KV7	Phước Dinh	Thuận Nam	D12	1.261.687,09	582.305,55	4.046	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực có các đồi cát có giá trị phát triển du lịch.</li> <li>- Khu vực bị xói lở. Không có dân cư sinh sống.</li> <li>- Khu vực nằm trong vùng chịu ảnh hưởng cao của biển đổi khí hậu và nước biển dâng, có quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản ven bờ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ.</li> <li>- Giảm thiểu sạt lở bờ biển, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.</li> <li>- Đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển.</li> </ul>
				D13	1.257.844,52	582.931,80			

STT	Tên	Địa giới hành chính		Điểm giới hạn	Vị trí địa lý		Chiều dài bờ biển tương ứng (m)	Mô tả khái quát khu vực	Mục đích, yêu cầu
		Xã/ phường/ thị trấn	huyện/ thành phố		Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)			
8	KV8	Phước Dinh	Thuận Nam	D14	1,255,859.14	582,576.28	400	Khu vực có bãi cát đẹp, nằm trên đường lên Hải đăng mũi Dinh, cách đường ven biển khoảng 500 m.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ.</li> <li>- Đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển.</li> </ul>
				D15	1,255,864.02	582,197.40			
9	KV9	Cà Ná	Thuận Nam	D16	1,253,838.32	569,122.39	1.301	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực có giá trị cảnh quan tự nhiên, phát triển du lịch khu vực Cà Ná.</li> <li>- Khu vực nằm trong vùng chịu ảnh hưởng cao của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.</li> <li>- Mật độ dân cư cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ.</li> <li>- Đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển.</li> </ul>
				D17	1,253,550.93	567,936.13			